

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-KSBT

Quảng Ngãi, ngày tháng 6 năm 2026

V/v thư mời chào giá mua sắm hoá chất,
vật tư thực hiện đánh giá ISO năm 2026

Kính gửi: Các Đơn vị kinh doanh hoá chất, vật tư y tế, hoá chất xét nghiệm.

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 2112/QĐ-SYT ngày 22/12/2025 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 164/KH-KSBT ngày 05/02/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi về việc Kế hoạch Lựa chọn nhà thầu “đánh giá công nhận lại và mở rộng phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025: 2017”;

Căn cứ Kế hoạch số 721/KH-KSBT ngày 29/5/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi về việc Kế hoạch Khắc phục kết quả đánh giá công nhận VILAT 1.0050 theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025: 2017;

Hiện tại, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi đang thực hiện lập kế hoạch mua sắm hoá chất, vật tư thực hiện đánh giá ISO năm 2026;

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi kính mời Các Công ty, Doanh nghiệp kinh doanh dụng cụ, vật tư thiết bị y tế có đủ năng lực, kinh nghiệm và khả năng cung ứng các mặt hàng theo danh mục cụ thể như sau:

TT	Hóa chất, vật tư	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng cần mua
A	HÓA CHẤT				
1	Que thử Bactident oxydase	Thành phần là các enzyme xúc tác dùng trong các phản ứng oxy hoá- khử	Chai/50 que	Chai	09
2	Sterikon plus Biondicator	Số lượng bào tử khả thi trên mỗi ống: 5.0E + 05 – 1.0E + 07; Tăng trưởng (35 ° C): Không tăng trưởng; Tăng trưởng (60 ° C): Sự phát triển; Bảo quản ở 2 - 8 ° C	Hộp/15 ống	Hộp	01
3	Chủng Klebsiella aerogenes (ATCC 13048)	Các que chủng KWIK-STIK chứa một lượng vi sinh vật và tá dược tinh khiết nhằm mục đích tạo cấu trúc và / hoặc sự ổn định bao gồm gelatin, skim milk, axit ascorbic, carbohydrate và charcoal. Mỗi gói que KWIK-STIK có chứa một viên vi sinh vật đông khô (C), một ống dịch ngâm nước (A) và một que cấy (B). Mỗi bộ được niêm phong trong một túi nhiều	2 que/Bộ	Bộ	01

TT	Hóa chất, vật tư	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng cần mua
		<p>lớp có chứa chất hút ẩm để ngăn tích tụ độ ẩm bất lợi.</p> <p>Các chủng vi sinh vật KWIK-STIK được cấy chuyển hai lần trở xuống được đảm bảo phục hồi khi được xử lý bằng cách sử dụng các yêu cầu về môi trường và ù được khuyến nghị</p> <p>Đời chủng: F3</p> <p>Bảo quản: 2-8 ° C</p>			
4	Chủng Escherichia coli (ATCC 25922)	<p>Các que chủng KWIK-STIK chứa một lượng vi sinh vật và tá dược tinh khiết nhằm mục đích tạo cấu trúc và / hoặc sự ổn định bao gồm gelatin, skim milk, axit ascorbic, carbohydrate và charcoal.</p> <p>Mỗi gói que KWIK-STIK có chứa một viên vi sinh vật đông khô (C), một ống dịch ngâm nước (A) và một que cấy (B). Mỗi bộ được niêm phong trong một túi nhiều lớp có chứa chất hút ẩm để ngăn tích tụ độ ẩm bất lợi.</p> <p>Các chủng vi sinh vật KWIK-STIK được cấy chuyển hai lần trở xuống được đảm bảo phục hồi khi được xử lý bằng cách sử dụng các yêu cầu về môi trường và ù được khuyến nghị</p> <p>Đời chủng: F3</p> <p>Bảo quản: 2-8 ° C</p>	2 que/Bộ	Bộ	01
5	Chủng Pseudomonas aeruginosa (ATCC 27853)	<p>Các que chủng KWIK-STIK chứa một lượng vi sinh vật và tá dược tinh khiết nhằm mục đích tạo cấu trúc và / hoặc sự ổn định bao gồm gelatin, skim milk, axit ascorbic, carbohydrate và charcoal.</p> <p>Mỗi gói que KWIK-STIK có chứa một viên vi sinh vật đông khô (C), một ống dịch ngâm nước (A) và một que cấy (B). Mỗi bộ được niêm phong trong một túi nhiều lớp có chứa chất hút ẩm để ngăn tích tụ độ ẩm bất lợi.</p> <p>Các chủng vi sinh vật KWIK-STIK được cấy chuyển hai lần trở xuống được đảm bảo phục hồi khi được xử lý bằng cách sử dụng các yêu cầu về môi trường và ù được khuyến nghị</p> <p>Đời chủng: F3</p> <p>Bảo quản: 2-8 ° C</p>	2 que/Bộ	Bộ	01
6	Chủng Enterococcus faecalis (ATCC 29212)	<p>Các que chủng KWIK-STIK chứa một lượng vi sinh vật và tá dược tinh khiết nhằm mục đích tạo cấu trúc và / hoặc sự ổn định bao gồm gelatin, skim milk, axit ascorbic, carbohydrate và charcoal.</p> <p>Mỗi gói que KWIK-STIK có chứa một viên vi sinh vật đông khô (C), một ống dịch ngâm nước (A) và một que cấy (B). Mỗi bộ được niêm phong trong một túi nhiều lớp có chứa chất hút ẩm để ngăn tích tụ độ ẩm bất lợi.</p> <p>Các chủng vi sinh vật KWIK-STIK được cấy chuyển hai lần trở xuống được đảm bảo phục hồi khi được xử lý bằng cách sử dụng các yêu cầu về môi trường và ù được khuyến nghị</p> <p>Đời chủng: F3</p> <p>Bảo quản: 2-8 ° C</p>	2 que/Bộ	Bộ	01

TT	Hóa chất, vật tư	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng cần mua
7	Kligler Iron Agar	Độ tan: 55 g/l ,Giá trị pH: 7.3 – 7.5 Bảo quản: 15- 25°C	500g/ Chai	Chai	01
8	Simmons Citrate	Trạng thái rắn, Độ pH 6,5 - 6,7 ở 22 g/l 37 °C . Độ hòa tan trong nước: 22 g/l ở 100 °C Bảo quản: 15- 25°C	500g/ Chai	Chai	01
9	Que chỉ thị môi trường kỵ khí Anaerotest	Lớp lưu trữ 10-13 chất lỏng và chất rắn khác Bảo quản:15- 25°C. Kiểm tra hiệu suất: Đổi màu ngược từ trắng sang xanh trong 20 phút.	50 que/Hộp	Hộp	02
10	Nước muối sinh lý vô trùng 0.85%	*Thành phần: Sodium Chloride: 85 mg , Nước cất: 10 ml	10 lọ/Hộp	Hộp	02
11	Egg yolk tellurite emulsion 20%	Trạng thái Nhũ tương . Màu sắc Màu vàng nhạt. Điểm chảy 70 °C. Khối lượng riêng 1,02 g/cm ³ ở 20°C. Quy cách đóng gói 50 ml * 10 lọ/ hộp. Bảo quản 2-8°C	50 ml/ Chai	Chai	12
12	Huyết tương khô đông khô	Thực hiện phản ứng coagulase (đông huyết tương) để phát hiệnStaphylocoagulase	5 lọ/ Hộp	Hộp	05
13	Hektoen enteric Agar (HE)	Độ tan: 75 g/l; p H: 7.5 - 7.9 (75 g/l, H ₂ O, 25°C) . Bảo quản ở nhiệt độ 15- 25°C	500g/ Chai	Chai	01
14	Dichloran glycerol chloramphenicol Agar (DG 18%)	pH: 5,4-5,8 ở 25°C Bảo quản ở nhiệt độ 15-25°C	500g/ Chai	Chai	01
15	Chủng <i>Staphylococcus aureus</i> ATCC 25923	Các chủng vi sinh vật KWIK-STIK được cấy chuyển hai lần trở xuống được đảm bảo phục hồi khi được xử lý bằng cách sử dụng các yêu cầu về môi trường và ủ được khuyến nghị đời chủng: F3 Bảo quản: 2-8°C	2 que/ Bộ	Bộ	01
16	Chromocult Coliform Agar	- pH 6,6 - 7,0 - Bảo quản ở nhiệt độ 15°C đến 25°C	Chai 500g	Chai	01
17	Coagulase plasma rabbit (Bactident® Coagulase)	- Hộp 6 vials, 1 vial chứa 3ml 3 ml lyophilized rabbit plasma – EDTA - Bảo quản: +20C-80C - Kèm CA (certificate of analysis)	6 vials/H ộp	Hộp	08
18	Túi ủ kỵ khí	- Hộp 25 túi tạo kỵ khí - Bảo quản: +150C-250C .Specifications: Growth Campylobater jejuni ATCC 33560 . Kèm CA (certificate of analysis)	10 túi / hộp	Hộp	04
19	Pseudomonas CN selective supplement	- Hộp 10 vials - Bảo quản ở +2°C đến +8°C	10 lọ/Hộp	Hộp	04
20	Pseudomonas agar	- Môi trường dạng hạt.- pH (25°C): 7,1 – 7,3. - Bảo quản ở nhiệt độ +15°C đến +25°C	Chai 500g	Chai	01
21	D-Cycloserine	- Dạng bột trắng/vàng nhạt, dễ tan trong nước. - Bền vững trong môi trường kiềm. - Bảo quản: 2 - 8°C. Bền vững trong môi trường kiềm, tối ưu ở pH = 11,5.	Chai 1g	Chai	01

TT	Hóa chất, vật tư	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng cần mua
22	Bile Aesculin azide agar	-Dạng bột khô - pH 7.1 ± 0.2 ở (25°C)	Chai 500g	Chai	01
24	Titriplex III Solution c(Na2-EDTA2 H2O) 0,1N	Công thức: c(Na2-EDTA2 H2O)=0.1 mol/lít . Bảo quản: +15°C to +25°C . Trạng thái lỏng . Kèm theo giấy chứng nhận COA	Ống chuẩn	Ống	02
25	Dung dịch chuẩn Natri oxalat (Na ₂ C ₂ O ₄)0,1N	Công thức: Na ₂ C ₂ O ₄ . Bảo quản: +15°C to +25°C . Trạng thái lỏng . Kèm theo giấy chứng nhận COA	Ống chuẩn	Ống	01
26	Amoni clorua	Công thức: NH ₄ Cl Trạng thái rắn Kèm theo giấy chứng nhận COA	500g/lọ	Chai	01
27	Magnesium Sulphate Heptahydrate	Công thức: MgSO ₄ ·7H ₂ O . Trạng thái rắn . Kèm theo giấy chứng nhận COA	500g/lọ	Hộp	01
28	Bộ dụng cụ đo Clo dư	-Thang đo: 0.0 đến 2.5 mg/l (ppm). - Độ phân giải: 0.5mg/l (ppm).- Loại CTK: So màu	50Test/ Bộ	Bộ	07
29	Dung dịch chuẩn sắt (Fe)1000ppm	Dạng chất lỏng, không màu. Nồng độ 1000ppm (tương đương 1000 mg/l Fe) Kèm theo giấy chứng nhận COA	Chai 250 ml (hoặc 500ml)	Chai	01
30	Dung dịch chuẩn Nitrat (NO ₃) 1000ppm	Dạng chất lỏng, không màu.Nồng độ 1000 ppm (tương đương 1000 mg/L) ion nitrat (NO ₃ ⁻) Kèm theo giấy chứng nhận COA	Chai 250 ml (hoặc 500ml)	Chai	01
31	Turbidity Standard 4000 NTU (Formazin) C ₂ H ₄ N ₂	Nồng độ: 4000NTU ±2 NTU Bảo quản: +2°C to +8°C Trạng thái lỏng Kèm theo giấy chứng nhận COA	500ml/ chai	Chai	01
32	Dung dịch chuẩn độ màu 500 Pt- Co	500Pt-Co500ml/ chai Kèm theo giấy chứng nhận COA	500ml/ chai	Chai	01
33	Dung dịch chuẩn Nitrit (NO ₂) 1000ppm	Nồng độ 1000 ppm (tương đương 1000 mg/L) Nitrit (NO ₂) Kèm theo giấy chứng nhận COA	Chai 250 ml (hoặc 500ml)	Chai	01
34	Dung dịch chuẩn canxi (CaCO ₃) 1000ppm	Nồng độ 1000ppm (tương đương 1000 mg/l CaCO ₃) Kèm theo giấy chứng nhận COA	Chai 250 ml (hoặc 500ml)	Chai	01
35	Acid clohydric HCl	Công thức: HCl 37% Trạng thái: dạng lỏng Kèm theo giấy chứng nhận COA	1 lít/chai	Chai	05
36	Hydrochloric acid (HCl Suprapur®)	- Khối lượng phân tử: 36,46 g/mol (20 °C) - Hàm lượng: 30% trong H ₂ O; - Độ tinh khiết: 99,999% dựa trên phân tích kim loại vết. - Dung dịch acid không chứa Asen (As) - Dung dịch acid sử dụng trong phân tích AAS	1 lít/chai	Chai	02

TT	Hóa chất, vật tư	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng cần mua
		Kèm theo giấy chứng nhận COA			
37	Chuẩn Potassium permanganate (KMnO ₄) 0.1 N	Dung dịch có nồng độ KMnO ₄ 0.1N Kèm theo giấy chứng nhận COA	Chai 250 ml (hoặc 500ml)	Chai	01
38	Chuẩn Amoni 1000ppm (NH ₄ Cl)	- Tỷ trọng: 0,99 g / cm ³ (20 ° C); - Giá trị pH: 5,4 - Bảo quản: ở 15° C đến 25° C - Dung dịch chuẩn amoni có thể truy nguyên theo mẫu chuẩn đối chiếu (SRM) từ NIST NH ₄ Cl trong H ₂ O 1000 mg/l NH ₄ Certipur® Kèm theo giấy chứng nhận COA	500 ml/ Chai	Chai	01
39	Chuẩn Sunfat (SO ₄ ²⁻) 1000ppm	Dung dịch lỏng, không màu, không mùi; Nồng độ 1000 ppm (tương đương 1000mg/L) sunfat (SO ₄ ²⁻) Kèm theo giấy chứng nhận COA	500 ml/ Chai	Chai	01
40	Muối Dinatri magie EDTA (C ₁₀ H ₁₂ N ₂ O ₈ Na ₂ Mg)	Công thức: (C ₁₀ H ₁₂ N ₂ O ₈ Na ₂ Mg) Trạng thái rắn .Kèm theo giấy chứng nhận COA	500g/lọ	Hộp	01
B	Vật tư				
41	Màng lọc Whatman Ø 0.45	- Hộp 100 cái - Đường kính: 47mm - Kích thước lỗ lọc: 0.45 µm - Màu sắc: trắng		Hộp	16
42	Màng lọc Whatman Ø 0.2	- Hộp 100 cái - Đường kính: 47mm - Kích thước lỗ lọc: 0.2 µm - Màu sắc: trắng		Hộp	05
43	Que cấy nhựa 1µl	Nhựa PS đã được vô trùng, 1 que nhựa cấy gồm 1 đầu vòng và 1 đầu thẳng thuận tiện việc nuôi cấy và đã được vô trùng, thể tích cấy 1µl, 20 que/túi	20que/túi	túi	100
44	Bông Y tế	- Màu trắng, không bụi được chia thành cuộn. - Loại 1kg/cuộn - Đóng gói: túi nilong PP, hút chân không		Cuộn	07
45	Đầu côn 200µl	- Chất liệu PP - Chịu nhiệt: 121°C/20 phút - Thể tích sử dụng: 200µl		Túi	02
46	Đầu côn 1000µl	- Chất liệu PP - Chịu nhiệt: 121°C/20 phút - Thể tích sử dụng: 1000µl		Túi	02
47	Màng lọc Cellulose nitrate	Màng lọc Cellulose nitrate, lỗ lọc 0.2 µm, Ø 47mm , đã tiệt trùng		Hộp	01
48	Cọ rửa ống nghiệm	Kích thước: chiều dài 180mm, phần cọ 50mm, bề dày cọ 10mm		Cái	03
49	Đĩa Petri 60 tiệt trùng	Đĩa Petri nhựa có kích thước đường kính 60mm cao 15mm. Đĩa petri sử dụng để cấy vi sinh vật trong phòng thí nghiệm. Đĩa petri nhựa trong suốt và bề mặt phẳng thuận tiện cho việc nuôi cấy và quan sát	500 cái/ thùng	Thùng	01

Hình thức báo giá: Trực tiếp (bản giấy); Báo giá theo từng mặt hàng.

Hiệu lực báo giá: Tối thiểu **90 ngày**.

Địa chỉ nhận báo giá: **Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi**

Địa chỉ: 122 Nguyễn Văn Linh, Phường Trương Quang Trọng, Tỉnh Quảng Ngãi

Người liên hệ: ThS. Nguyễn Trọng Tín (SĐT: 0397840615; Email: trongtinqn@gmail.com)

Thời gian nhận báo giá: chậm nhất đến trước **17h00** ngày **14/6/2026**.

Rất mong sự hợp tác của Quý đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website cdcquangngai.vn;
- Khoa XN-CĐHA-TDCN;
- Phòng TC-KT;
- Lưu: VT, DVTYT.

GIÁM ĐỐC

Võ Thanh Tân